

Số: 3401/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính, viễn thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 158/2001/QĐ-TTg ngày 18/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính, viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến 2020;

Căn cứ Quyết định số 236/2005/QĐ-TTg ngày 26/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển bưu chính Việt Nam đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 336/2005/QĐ-TTg ngày 16/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 32/2006/QĐ-TTg ngày 07/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Bưu chính Viễn thông tại Tờ trình số 212TT/SBCVT ngày 25/11/2007, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính viễn thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 747/BC-SKH ngày 20/11/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính, viễn thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính, viễn thông Quốc gia đến năm 2010; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và phù hợp với quy hoạch các ngành, lĩnh vực có liên quan.

Xây dựng và phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông theo phương châm đi tắt, đón đầu các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Phát triển đi đôi với quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật bưu chính, viễn thông, tạo điều kiện ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực.

Phổ cập dịch vụ bưu chính, viễn thông trong toàn tỉnh; chú trọng đầu tư phát triển bưu chính, viễn thông cho vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi nhằm rút ngắn khoảng cách về mức hưởng thụ các dịch vụ bưu chính, viễn thông giữa các vùng trong tỉnh.

Phát triển bưu chính, viễn thông đi đôi với đảm bảo an ninh - quốc phòng; đảm bảo an toàn thông tin; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

3. Mục tiêu phát triển

Phát triển bưu chính, viễn thông trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho toàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010, Hà Tĩnh đạt trình độ tiên tiến trong vùng và đến năm 2020 đạt trình độ tiên tiến của cả nước, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật bưu chính, viễn thông của tỉnh có công nghệ hiện đại, độ bao phủ rộng, dung lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, cung cấp đa dịch vụ.

4. Các chỉ tiêu phát triển chủ yếu

4.1. Về bưu chính

Mạng lưới bưu chính mở rộng đến tất cả các điểm dân cư, nâng cao chất lượng dịch vụ, rút ngắn thời gian chuyển phát; đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ và phổ cập dịch vụ bưu chính công ích đến tất cả các điểm phục vụ trên toàn tỉnh; đảm bảo công tác thông tin phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp.

Phấn đấu đến năm 2010, 100% số xã có điểm bưu điện - văn hoá xã, 70% số điểm văn hoá xã có điểm truy nhập Internet công cộng; 100% Bưu cục các cấp cung cấp dịch vụ chuyên tiễn nhanh dịch vụ tiết kiệm bưu điện.

4.2. Về viễn thông

Xây dựng và phát triển mạng lưới viễn thông đến tất cả các địa bàn dân cư và trung tâm kinh tế xã hội trong toàn tỉnh, trong đó chú trọng phát triển mạng lưới tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp - TTCN và các khu, điểm du lịch với chất lượng và dung lượng cao. Điều hoà, cân đối mức độ phát triển viễn thông công ích đến các địa bàn còn khó khăn, vùng sâu, vùng xa; phát triển và phổ cập dịch vụ Internet trên toàn tỉnh; đảm bảo yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ công tác lãnh đạo, phục vụ yêu cầu quốc phòng - an ninh và phòng chống thiên tai.

Phấn đấu đến năm 2010 đạt 40,51 máy điện thoại/100 dân (điện thoại cố định: 16,82 máy/100 dân, điện thoại di động: 23,7 máy/100 dân); độ phủ sóng viễn thông đạt 100% số xã, thôn với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao; 30% dân số được sử dụng dịch vụ Internet băng rộng;

Đến năm 2015 đạt 65,51 máy điện thoại/100 dân; 65-70% dân số được sử dụng dịch vụ Internet băng rộng;

Trong giai đoạn từ 2010 – 2015, thay thế dần cáp đồng bằng cáp quang, đến năm 2015, 100% xã có đường cáp quang đến trung tâm.

5. Phương hướng phát triển chủ yếu

5.1. Về bưu chính

- Phát triển mạng bưu chính

Mạng điểm phục vụ: cải tạo, nâng cấp, mở rộng mạng lưới bưu chính phù hợp với quy hoạch các khu đô thị, cụm dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm du lịch và quy hoạch giao thông trong tỉnh. Đến năm 2010, 100% số xã có điểm bưu điện văn hoá được xây dựng hoàn thiện với tổng số điểm phục vụ bưu chính đạt 513 điểm. Giai đoạn 2011-2015, tiếp tục phát triển mới 79 điểm phục vụ. Sau năm 2015 đảm bảo 100% số thôn có điểm phục vụ các dịch vụ bưu chính viễn thông và ứng dụng công nghệ thông tin.

Mạng vận chuyển: tổ chức lại mạng vận chuyển bưu chính nội tỉnh phù hợp với tình hình phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội của địa phương. Trong giai đoạn 2007-2010 bổ sung thêm các tuyến đường thư cấp II, tăng cường tần suất vận chuyển từ 1 chuyến/ngày lên 2 chuyến/ngày đối với những tuyến có sản lượng lớn.

- Phát triển dịch vụ bưu chính:

Phổ cập đa dạng dịch vụ, nâng cao chất lượng phổ cập dịch vụ, rút ngắn thời gian phát hành báo và công văn, mở dịch vụ chuyển tiền, thanh toán, chuyển phát nhanh, bưu kiện toàn mạng bưu cục. Mở dịch vụ chuyển tiền, bưu kiện tại các điểm bưu điện văn hoá xã.

Chú trọng các dịch vụ công ích và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp nông thôn; xây dựng nguồn tư liệu hướng dẫn sản xuất và chế biến nông sản, thông tin thương mại, công nghiệp tại các điểm bưu điện văn hoá xã.

Phát triển mạng chuyển phát an toàn, tin cậy đồng bộ với các dịch vụ hoàn thiện hàng hoá (lựa chọn, đóng gói, sắp xếp), dịch vụ kho bãi, dịch vụ quản lý chu trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ tài chính bưu chính tạo ra kênh phân phối và thanh toán hàng hoá phù hợp với nhu cầu phát triển thương mại.

Phát triển các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, dịch vụ trả lương hưu, dịch vụ thanh toán, dịch vụ nhờ thu cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ.

Cung cấp các dịch vụ viễn thông thông qua các hình thức bán lại dịch vụ, phát triển các dịch vụ làm đại lý cho viễn thông.

Triển khai các dịch vụ mới như: dịch vụ kho vận, các dịch vụ lai ghép tạo ra do sự kết hợp các thành tựu của bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Tăng cường phát triển các dịch vụ có khả năng mang lại lợi nhuận cao như bưu phẩm chuyên phát nhanh, Datapost, bưu chính uỷ thác...

- Phát triển thị trường chuyển phát thư

Xã hội hoá lĩnh vực chuyển phát thư theo hướng cạnh tranh, khuyến khích đầu tư phát triển mạng lưới chuyển phát thư, trang thiết bị, công nghệ hiện đại và cung cấp các dịch vụ chất lượng cao, chú trọng ứng dụng tin học và tự động hóa làm tăng thị phần khai thác các dịch vụ chuyển phát thư trong tương lai. Khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao và cung cấp nhiều dịch vụ phong phú đa dạng.

- Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo, đào tạo lại nhân lực tại địa phương thông qua các cơ sở, các trường đào tạo, đảm bảo các cán bộ công nhân viên có chuyên môn lành nghề, có phẩm chất tốt. Lựa chọn các ứng viên từ các trường chuyên nghiệp có chuyên ngành phù hợp để đào tạo thêm chuyên ngành bưu chính, viễn thông. Đào tạo đội ngũ lao động về ứng dụng công nghệ thông tin tại các điểm phục vụ để đội ngũ giao dịch viên có trình độ đáp ứng yêu cầu.

Xây dựng chính sách phù hợp về tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ để duy trì đội ngũ nhân viên giỏi.

Đến 2010 nhu cầu lao động trong ngành bưu chính có khoảng 360 người; trong đó, số lao động trình độ đại học và trên đại học phải đạt 30%, cao đẳng 35%. Đến 2015 nhu cầu lao động trong ngành bưu chính khoảng 450 người, trong đó lao động trình độ đại học và trên đại học chiếm 40%.

- Tự động hoá mạng bưu chính

Bưu cục tự động hoạt động 24/24h, các thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ tín dụng hoặc tiền mặt. Giai đoạn đầu đặt thí điểm tại bưu cục trung tâm thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, các bưu cục tại khu kinh tế, đô thị mới, sau đó nhân rộng ra các bưu cục khác tại trung tâm các huyện... Ngoài ra trong một số khách sạn lớn, trung tâm thương mại có thể đặt các máy bán hàng tự động; hàng năm phát triển 3-5 điểm bưu cục tự động.

5.2. Về viễn thông

- Hạ tầng mạng

+ Mạng chuyên mạch: các doanh nghiệp cần giữ nguyên thiết bị hiện tại để khai thác, đồng thời lắp đặt bổ sung thiết bị theo mô hình mạng NGN để cung cấp dịch vụ mới. Trong giai đoạn từ 2009 – 2015, thực hiện thay thế dần công nghệ hiện tại bằng công nghệ mạng NGN. Tiến trình cụ thể như sau:

Giai đoạn 2007-2008: tiếp tục phát triển hệ thống chuyên mạch TDM, tổ chức lại, mở rộng và lắp mới các hệ thống tổng đài để đảm bảo nhu cầu phát triển mạng lưới; phát triển các điểm truy nhập quang đến các xã, các cụm dân cư, đặc biệt quan tâm đến các xã miền núi vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Trong giai đoạn này dung lượng lắp đặt toàn mạng là 245.992 lines, trong đó thực hiện lắp mới 37 trạm với tổng dung lượng 65.604 lines.

Giai đoạn 2009-2010: tổ chức lắp đặt 01 tổng đài chuyên mạch đa dịch vụ Multi-service Switch tại thành phố Hà Tĩnh kết nối với mạng lõi NGN quốc gia; lắp mới thêm các tổng đài truy nhập đa dịch vụ Multi-service Access tại các vị trí

có mức độ tập trung lưu lượng lớn và có nhu cầu về dịch mới như trung tâm huyện, các khu, cụm công nghiệp, khu thương mại, các khu đô thị mới; bổ sung thêm các tổng đài công Media Gateway. Đến năm 2010, lắp mới 44 tổng đài vệ tinh đồng thời tăng dung lượng các tổng đài hiện có, nâng tổng dung lượng toàn mạng lên 306.368 lines.

Giai đoạn 2011-2015: lắp đặt thiết bị Multi-service Access phát triển các thuê bao đa dịch vụ, mở rộng vùng cung cấp các thuê bao đa dịch vụ trên nền mạng NGN đến toàn bộ các trung tâm huyện, thị xã; tích hợp các mạng di động, các mạng cung cấp dịch vụ mới có công nghệ khác nhau truy nhập NGN thông qua Multi service switch. Trong giai đoạn này các dịch vụ mới đều được triển khai trên mạng NGN.

Triển khai mô hình mạng NGN cho các dịch vụ mới chủ yếu là các dịch vụ Internet băng rộng và các dịch vụ ứng dụng của hệ thống Call Center như: giải trí, trả lời tự động, thương mại (1800, 1900)...

Đến năm 2015 dự kiến đạt 350.980 thuê bao cố định, số thuê bao phát triển tăng hơn so với năm 2010 là 126.230 thuê bao. Lắp mới và nâng cấp các tổng đài cũ với tổng dung lượng bổ sung là 161.605 lines, nâng tổng dung lượng toàn mạng là 467.973 lines.

+ Mạng truyền dẫn:

Giai đoạn 2007-2008: thực hiện xây dựng các tuyến cáp quang mới đến tất cả các trạm viễn thông, trạm truy nhập; đồng thời thực hiện kết nối tuyến cáp quang hiện có với tuyến bổ sung mới tạo thành mạch vòng Ring vật lý, tăng độ an toàn của mạng lưới viễn thông.

Giai đoạn 2009-2010: nâng cấp dung lượng cho các tuyến cáp quang nội tỉnh lên STM-16 (tốc độ 2,5 Gb/s); xây dựng mới 20 tuyến cáp quang với tổng chiều dài 251,5km.

Giai đoạn 2010-2015: nâng cấp dung lượng cho các tuyến cáp quang nội tỉnh lên STM-16 (tốc độ 2,5 Gb/s) để đảm bảo băng thông phục vụ mạng chuyên mạch, di động và mạng Internet băng thông rộng.

Xây dựng mạng cáp quang chuyên dụng đến Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành huyện, thị, thành phố để kết nối mạng diện rộng Intranet phục vụ chính quyền toàn tỉnh. Trong quá trình xây dựng vòng Ring cáp quang nội thị, tổ chức các điểm rẽ tại hầu hết các cơ quan cấp tỉnh, đồng thời cũng dành riêng phần lưu lượng cáp cho mục đích này.

+ Mạng ngoại vi:

Phát triển mạng ngoại vi theo hướng nâng cao chất lượng, hiện đại hoá mạng lưới; các doanh nghiệp cùng đầu tư và sử dụng chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật; triển khai mạng ngoại vi theo hướng ngầm hoá và theo từng giai đoạn:

Giai đoạn 2007 – 2010 ngầm hóa tại trung tâm thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh, tại khu vực đô thị chiều dài cáp treo không quá 500m.

Giai đoạn 2010 – 2015 ngầm hoá mạng cáp tại các trung tâm huyện, các thị trấn, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch trong tỉnh. Tiến độ xây

dựng các tuyến cáp ngầm đồng bộ với xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị; trong đó chiều dài cáp đồng không quá 2 km.

Sau 2015 ngầm hóa cáp quang đến từng thuê bao trên toàn tỉnh trừ những khu vực không thể ngầm hóa; xây dựng mạng truy nhập quang để giảm cự ly phục vụ của tổng đài và thay thế cho các tổng đài độc lập.

Mạng ngoại vi được phát triển theo các mục tiêu:

Xây dựng mạng công bề trong phạm vi toàn tỉnh, dung lượng tuyến ống của các dự án xây dựng công bề phải đảm bảo phát triển với thời gian trên 5 năm. Áp dụng công nghệ xây dựng công bề hiện đại để tăng khoảng cách bề, và nâng cao khả năng chịu tải của nắp bề. Hệ thống ống nhựa dùng trong công trình phải đảm bảo an toàn và độ chịu lực cao tại những đoạn qua đường và dưới đường có xe trọng tải lớn chạy qua, sử dụng ống siêu bền để đảm bảo an toàn cho hệ thống.

Thực hiện ngầm hóa, xây dựng hệ thống công bề đối với các khu vực đô thị mới, khu trung tâm, khu du lịch; dọc hai bên các tuyến đường dự kiến sẽ quy hoạch các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, nhà máy,....

+ Mạng thông tin di động:

Giai đoạn 2006 – 2015, mạng thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng, đáp ứng đủ lưu lượng mạng và chuyển đổi công nghệ theo định hướng 3G, hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên mạng.

Tập trung nâng cao năng lực, dung lượng các trạm phát sóng hiện tại; tiếp tục phủ sóng di động đến các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, dọc các đường quốc lộ và tỉnh lộ; đạt mục tiêu sau năm 2010 tất cả các trung tâm huyện, thị trấn, đến các xã vùng sâu, vùng xa đều được phủ sóng di động.

Tăng diện phủ sóng di động đối với các xã thuộc vùng biên giới Việt – Lào đảm bảo công tác thông tin liên lạc trong mọi tình huống. Đối với các trạm BTS gần biên giới, thực hiện truyền dẫn bằng cáp quang và có trạm VIBA dự phòng.

Xây dựng mạng thông tin di động 3G đáp ứng được các dịch vụ di động truyền thông cá nhân đa phương tiện. Từ nay đến năm 2015, phát triển thêm 01 thiết bị điều khiển trạm gốc BSC tại Thành phố Hà Tĩnh và 01 BSC tại Kỳ Anh.

Đến hết năm 2015, đạt 316.500 thuê bao trên toàn tỉnh, mật độ 23,7 máy/100 dân. Để đáp ứng sự phát triển thuê bao cần tăng thêm 184 trạm thu phát sóng, nâng tổng số trạm BTS trên toàn tỉnh đạt 258 trạm với bán kính phục vụ 2,5km/1 trạm.

+ Internet:

Thực hiện triển khai các thiết bị truy nhập mạng DSLAM/ DSLAM-HUB đến tất cả các trung tâm huyện, các thị trấn, thị tứ, thực hiện mở rộng dung lượng các trạm. Đảm bảo đến năm 2008 cung cấp dịch vụ Internet băng rộng trên toàn tỉnh, theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và không dây:

Truy nhập Internet qua mạng nội hạt phát triển theo hướng truy nhập của mạng NGN và bước đầu xây dựng mạng thế hệ mới NGN.

Công nghệ kết nối không dây băng thông rộng WIMAX chuẩn 802.16 với tốc độ truyền dữ liệu cao (100 Mbps), khu vực phủ sóng rộng hơn 50km.

Năm 2008, tổng số thuê bao Internet băng rộng trên địa bàn tỉnh là 34.750, đạt mật độ 2,7 TB/100 dân; đến 2010, đạt 53.750 thuê bao và toàn bộ thuê bao đều là thuê bao băng rộng; đến năm 2015 thêm 115.710 thuê bao.

- Dịch vụ

Ưu tiên phát triển các dịch vụ mới phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin - viễn thông và xu hướng hội tụ dịch vụ viễn thông cố định với viễn thông di động.

Chú trọng phát triển mạnh các dịch vụ di động, dịch vụ băng rộng, dịch vụ giá trị gia tăng trên cơ sở hạ tầng đã được đầu tư; nhanh chóng triển khai các dịch vụ ứng dụng trên Internet như chính phủ điện tử, thương mại điện tử, truyền thông đa phương tiện, giải trí ...vv.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các dịch vụ truyền dẫn, phát sóng, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ mạng riêng ảo (VPN) phát triển nhằm khai thác tối đa dung lượng và đảm bảo hiệu quả sử dụng mạng viễn thông công cộng.

- Thị trường

Tạo lập thị trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông và Internet cùng hợp tác và phát triển. Đến năm 2010, thị phần của các doanh nghiệp ngoài Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đối với một số dịch vụ quan trọng như điện thoại quốc tế, thuê kênh, thông tin di động, Internet băng rộng đạt tỷ lệ đáng kể.

Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và kinh doanh cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet, đặc biệt trong lĩnh vực bán lại dịch vụ, cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trị và Internet.

- Mạng viễn thông nông thôn

Tại các vùng sâu, vùng xa sử dụng thiết bị truy nhập quang (giao diện V5.x) thay thế cho các thiết bị vô tuyến điểm – điểm, điểm – đa điểm. Giai đoạn 2007 – 2010 triển khai lắp đặt thiết bị truy nhập quang tại các điểm bưu điện văn hoá xã.

Lắp đặt và tổ chức lại các trạm thông tin vệ tinh VSAT IP dùng cho những xã có địa hình đặc biệt khó khăn, xa trạm trung tâm không thể sử dụng phương thức truyền dẫn viba và cáp quang.

Phủ sóng thông tin di động đến toàn bộ các huyện, xã hay xảy ra bão lũ, ngoài ra triển khai thêm phương thức liên lạc bộ đàm, vô tuyến không dây đảm bảo thông tin liên lạc khi có bão lũ xảy ra.

- Truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện

Bảo đảm hoạt động bình thường của các nghiệp vụ vô tuyến điện, không xảy ra nhiễu có hại giữa các đài, các nghiệp vụ và các hệ thống thông tin vô tuyến điện, bảo vệ được chủ quyền và an ninh quốc gia. Kết hợp phương thức phát sóng tập trung và phân tán nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phổ tần. Sử

dụng anten có độ cao và hướng thích hợp để tái sử dụng tần số, hạn chế can nhiễu lẫn nhau.

Phát triển mạng thông tin vô tuyến điện theo hướng hiện đại, đồng bộ và ổn định lâu dài, phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế, đáp ứng các nhu cầu về thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ nay đến năm 2010: tập trung củng cố lại các hệ thống truyền dẫn - phát sóng hiện có; xây dựng trạm truyền thanh - truyền hình tại huyện Lộc Hà; ưu tiên nâng cấp một số trạm phát sóng đủ công suất đảm bảo phủ sóng cho các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh (lắp đặt thêm 01 máy 5KW và 01 máy 10KW; lắp đặt hệ thống Viba kỹ thuật số, làm đường truyền chuyển tiếp Hà Tĩnh - Kỳ Anh với công suất 300W; nâng cấp trạm phát sóng Kỳ Anh lên 2KW; nâng cấp máy phát hình cho huyện Vũ Quang lên 500W; nâng cấp cho trạm Thiên Tượng từ 2KW lên 5KW)

Từ 2010 đến 2020: chuyển dần từng khâu truyền dẫn phát sóng từ công nghệ tương tự Analog sang công nghệ số Digital để phát đa kênh trên cơ sở đầu tư mới và cải tạo hệ thống hiện có.

Kết hợp truyền hình số mặt đất với khai thác kết hợp hệ thống cáp dẫn (Quang, đồng trục, đồng xoắn...) đảm bảo đến năm 2020 kỹ thuật truyền dẫn phát sóng chiếm tỷ lệ số hóa 70% theo các chỉ tiêu và quy định của Đài truyền hình Việt Nam và Đài tiếng nói Việt Nam.

- Phòng chống thiên tai

Đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong tình huống xảy ra bão lũ và sau bão lũ:

Đối với mạng thông tin di động: gia cố toàn bộ hệ thống cột, anten các thiết bị truyền dẫn cao trong phạm vi các huyện ven biển đảm bảo các cột cao này có thể chịu được bão cấp 12-13. Có các tuyến, trạm viba dự phòng; mạng cáp quang thực hiện kết nối vòng Ring vật lý đảm bảo thông tin thông suốt khi bão xảy ra. Sử dụng hiệu quả các trạm thu phát sóng lưu động của các nhà cung cấp dịch vụ thông tin di động nhằm khắc phục tình trạng mất thông tin liên lạc sau bão.

Đối với thông tin cố định: truyền dẫn cáp quang nối vòng toàn bộ các tổng đài vệ tinh, có truyền dẫn viba dự phòng, đảm bảo các phương án sau bão.

Lắp đặt các trạm vệ tinh (VSAT) tại các huyện miền núi và ven sông để đảm bảo thông tin, phục vụ tốt cho lãnh đạo, chỉ đạo của đảng, chính quyền khi có lũ xảy ra.

- Thông tin Duyên hải phục vụ nghề cá

Đối với các huyện có nghề cá phát triển, thực hiện phủ sóng thông tin di động tại các vùng ven biển phục vụ công tác nuôi, đánh bắt và chế biến thủy sản.

Nâng cao khả năng liên lạc cho các tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh và để hạn chế tối đa những thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra mưa, bão; mỗi tàu thuyền đánh bắt xa bờ trang bị 01 thiết bị ICOM.

- Viễn thông công ích

Đẩy nhanh việc phổ cập các dịch vụ viễn thông và Internet đến mọi người dân trên địa bàn tỉnh; trong đó tập trung phát triển phổ cập dịch vụ cho các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; rút ngắn khoảng cách về sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet giữa các vùng, miền; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội; góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng.

- Nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực chuyên môn cao trong lĩnh vực viễn thông và Internet song song với đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng lao động kỹ thuật; nâng cao trình độ, kiến thức về công nghệ kỹ thuật mới.

5.3. Định hướng phát triển đến năm 2020

- Định hướng phát triển bưu chính

Tiếp tục phát triển các điểm phục vụ đến các khu vực vùng sâu, vùng xa; mở rộng dịch vụ theo hướng cung cấp ứng dụng rộng rãi trên mọi lĩnh vực.

Đến năm 2020, hoàn thành việc ứng dụng công nghệ hiện đại triển khai tin học hoá, tự động hoá trong quản lý và khai thác đến tất cả các điểm phục vụ.

Phát triển kinh doanh từ các dịch vụ mới, dịch vụ lai ghép, dịch vụ tài chính, ...vv.

- Định hướng phát triển viễn thông

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông và Internet tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn và tin cậy, có độ bao phủ rộng khắp, đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo theo hướng cùng đầu tư và chia sẻ hạ tầng.

Thực hiện chuyển toàn mạng sang mạng thế hệ sau (NGN); cung cấp đa dịch vụ trên một hạ tầng viễn thông thống nhất; đẩy mạnh phát triển mạng thông tin di động băng rộng, tích hợp đa dịch vụ.

Nâng cấp và mở rộng dung lượng mạng cáp quang đến xã ở khu vực nông thôn; phát triển mạng cáp quang nội hạt đến cụm dân cư và các toà nhà lớn ở khu vực thành thị.

Ưu tiên phát triển các dịch vụ mới với xu hướng hội tụ công nghệ; đẩy mạnh phát triển mạng truy nhập băng rộng để triển khai các ứng dụng như: Chính phủ điện tử, thương mại điện tử, đào tạo và khám chữa bệnh từ xa ...vv.

6. Các giải pháp chủ yếu

6.1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí của bưu chính, viễn thông trong phát triển kinh tế- xã hội

Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, Internet đến các tầng lớp nhân dân bằng các hình thức tuyên truyền và phương tiện thông tin đại chúng. Nâng cao ý thức trách nhiệm của

công dân trong việc bảo vệ các công trình bưu chính, viễn thông, tần số VTD nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả các công trình, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nâng cao trình độ và khả năng tiếp cận sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông, Internet của nhân dân; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức sử dụng Internet, khai thác thông tin trên mạng cho người dân khu vực nông thôn.

6.2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật của hệ thống bưu chính, viễn thông

Định hướng đầu tư phát triển hệ thống trang thiết bị kỹ thuật và mạng lưới; trong đó chú trọng đầu tư phát triển các điểm dịch vụ Internet, điểm bưu điện văn hoá xã cho các địa bàn vùng sâu, vùng xa bằng nguồn vốn Quỹ viễn thông công ích. Định hướng xây dựng mới và bổ sung năng lực mạng theo các phương án đã đề ra trong quy hoạch. Thực hiện các biện pháp ràng buộc nhằm đảm bảo đầu tư với tỷ lệ thoả đáng để phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông cho các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

6.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Thực hiện tốt chính sách thu hút nhân tài trong lĩnh vực bưu chính viễn thông nhằm thu hút những người trình độ cao làm việc trong các chương trình, dự án và các doanh nghiệp công ích của tỉnh.

Xây dựng và thực hiện chương trình phổ cập Internet trong nhà trường, đảm bảo đến năm 2010, 100% các trường học từ cấp II trở lên và 50% số trường cấp I được kết nối Internet.

Tổ chức đào tạo, hướng dẫn cho nhân viên các cửa hàng, đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông, điện tử, công nghệ thông tin, Internet công cộng về kỹ thuật sử dụng, khai thác và quản lý dịch vụ.

6.4. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Định hướng công tác nghiên cứu triển khai ứng dụng dịch vụ mới, dịch vụ giải trí và cung cấp nội dung.

Các doanh nghiệp trên địa bàn cần tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

6.5. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Để đảm bảo định hướng cho các doanh nghiệp hoạt động theo đúng các mục tiêu đã đề ra trong quy hoạch, đồng thời tạo môi trường minh bạch, thông thoáng cho các doanh nghiệp kinh doanh thuận lợi, cần nghiên cứu xây dựng một số cơ chế, chính sách sau:

Chính sách khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng chung cơ sở hạ tầng.

Chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông tham gia phát triển viễn thông và Internet tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm từng bước thu hẹp khoảng cách về mức hưởng thụ các dịch vụ bưu chính, viễn thông giữa các vùng, miền.

6.6. Giải pháp về vốn

Trong giai đoạn 2006 – 2010, vốn đầu tư cho lĩnh vực bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh chủ yếu được thực hiện từ các nguồn:

- Vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông tại địa phương,
- Quỹ viễn thông công ích (đầu tư các công trình viễn thông công ích),
- Vốn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước,
- Các nguồn vốn hợp pháp khác,

Trong đó nguồn vốn do các doanh nghiệp đầu tư giữ vai trò chủ đạo.

Cần xây dựng chính sách nhằm tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn nêu trên; khuyến khích, tạo điều kiện để mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh dịch vụ viễn thông và Internet; dành một phần thỏa đáng trong ngân sách tỉnh, kết hợp với nguồn vốn từ quỹ viễn thông công ích để hỗ trợ đầu tư phát triển dịch vụ viễn thông bắt buộc, xây dựng các điểm truy nhập công cộng, xây dựng và duy trì hoạt động các trung tâm dịch vụ giải đáp thông tin 116, trung tâm an ninh mạng, đầu tư hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phòng chống thiên tai.

6.7. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và Internet từ tỉnh đến huyện, thành phố, thị xã phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt công tác theo dõi, giám sát, quản lý chất lượng dịch vụ nhằm đảm bảo triển khai đồng bộ quy hoạch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động viễn thông và Internet trên địa bàn tỉnh nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động kinh doanh Internet và viễn thông.

Thành lập các đơn vị sự nghiệp chuyên ngành để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, triển khai các hoạt động dịch vụ, gián tiếp hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cán bộ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. *Sở Bưu chính Viễn thông* là đầu mối quản lý Nhà nước về Bưu chính Viễn thông, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương công bố, tuyên truyền và triển khai thực hiện nội dung của quy hoạch; triển khai các dự án theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời theo dõi quá trình thực hiện, tổng hợp những thay đổi và đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

2. *Sở Kế hoạch Đầu tư* chủ trì phối hợp với *Sở Bưu chính Viễn thông*, *Sở Tài chính*... căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt, tính toán, cân đối, huy động các nguồn lực, xây dựng các kế hoạch ngắn và dài hạn để thực hiện các dự

án sử dụng ngân sách tỉnh. Trong khi triển khai, nếu có phát sinh cần tính toán điều chỉnh và thông báo kịp thời cho các bên có liên quan.

3. *Sở Nông nghiệp và PTNT* phối hợp với Sở Bưu chính Viễn thông, các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông và các cơ quan liên quan thực hiện đề án xây dựng hệ thống “Thư viện kỹ thuật nông nghiệp” tại các điểm bưu điện văn hoá xã; tham gia xây dựng và thực hiện đề án “Hệ thống thông tin cơ sở”.

4. *Sở Giao thông Vận tải* phối hợp với Sở Bưu chính Viễn thông, các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông và các cơ quan liên quan lên kế hoạch, triển khai nâng cấp các tuyến đường giao thông để thực hiện ngầm hóa mạng cáp nội hạt phù hợp với quy hoạch của từng thời kỳ.

5. *Sở Tài nguyên và Môi trường* phối hợp với Sở Bưu chính Viễn thông, các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông và các cơ quan liên quan tiến hành đo đạc, lập bản đồ và xác định giới hạn đất đai cho các điểm Bưu điện Văn hóa xã, các dự án bưu chính viễn thông; thực hiện các thủ tục giao đất cho chủ đầu tư nhanh chóng, thuận tiện; phối hợp trong công tác quản lý tác động của sóng điện từ đến môi trường.

6. *Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh* phối hợp với Sở Bưu chính, Viễn thông, các sở ban ngành, các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông đảm bảo an toàn, an ninh mạng lưới bưu chính viễn thông, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực bưu chính viễn thông.

7. *Sở Tài chính* lập phương án, kế hoạch huy động vốn đảm bảo kinh phí cho các dự án phát triển bưu chính, viễn thông sử dụng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch được duyệt.

8. *Sở Xây dựng* chủ trì, phối hợp với Sở Bưu chính Viễn thông, Sở Giao thông Vận tải ban hành qui định hướng dẫn việc xây dựng các công trình viễn thông và cáp điện thoại trong các khu đô thị đảm bảo chất lượng và mỹ quan. Đồng thời, trong quá trình thẩm định quy hoạch các công trình công cộng phải lưu ý dành diện tích, mặt bằng xây dựng các hạng mục công trình thuộc hạ tầng bưu chính viễn thông phù hợp với quy hoạch phát triển, thuận lợi cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ.

9. *Sở Khoa học Công nghệ* phối hợp với Sở Bưu chính Viễn thông xây dựng và chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế xã hội, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ thông qua mạng điểm phục vụ bưu chính dưới các hình thức (tài liệu, thông tin dữ liệu, hướng dẫn trực tiếp).

10. *Sở Thương mại và Du lịch* phối hợp với Sở Bưu chính Viễn thông, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và các cơ quan liên quan trong việc triển khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển các Trung tâm thương mại, nút thương mại; xây dựng và phát triển các khu du lịch, tuyến du lịch.

11. *Sở Công nghiệp* phối hợp với Sở Bưu chính Viễn thông, các doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong việc tổ chức cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

12. *Sở Giáo dục và Đào tạo* tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực viễn thông và CNTT do Bộ Giáo dục đào tạo chủ trì, đồng thời nhanh chóng xây dựng kế hoạch triển khai kết nối Internet băng rộng cho trường học.

13. *Sở Thủy Sản* phối hợp với Sở Bưu chính Viễn thông và các cơ quan liên quan tổ chức quản lý hệ thống thông tin liên lạc nghề cá.

14. *Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã* tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho nhân dân về tầm quan trọng của hệ thống thông tin và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, bảo vệ tài sản, vật tư, hạ tầng kỹ thuật thông tin; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bưu chính viễn thông phát triển hệ thống mạng và cung cấp dịch vụ. Tăng cường công tác quản xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn, nhất là đối với các trạm phát sóng thông tin di động. Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án, kế hoạch bảo đảm an toàn mạng viễn thông, an ninh thông tin trên địa bàn. Phối hợp với sở Bưu chính Viễn thông quản lý toàn diện về lĩnh vực bưu chính viễn thông trên địa bàn.

15. *Các doanh nghiệp* hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông căn cứ vào Quy hoạch này để xây dựng chiến lược kinh doanh, quy hoạch và kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển bưu chính, viễn thông nói riêng.

16. *Các cơ quan liên quan khác* phối hợp với sở Bưu chính Viễn thông trong việc thực hiện các chương trình, dự án của đơn vị mình nhằm đảm bảo quy hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả dịch vụ bưu chính viễn thông.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Công báo;
- Chánh, Phó VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự